TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc

2. Bà Phạm Thị Hồng Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông K' Mích – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B sinh năm 1988; Trú tại: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên hệ: Công ty Apolo, thôn Cầu Sắt, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1984; Trú tại: Tổ 13, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình P kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu 01 năm. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông P nghiện ma túy, không chịu đi cai nghiện và không chịu lao động nên dẫn đến cãi vã và thường xuyên đánh đập lẫn nhau. Nay,

bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình P.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Đình Bảo K sinh ngày 17/6/2012 và Nguyễn Thị Tuyết S sinh ngày 22/3/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Vợ chồng bà không có nợ chung.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Đình P:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị B kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Nay bà B yêu cầu xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung như bà B trình bày. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Đình Bảo K cho đến ngày con chung thành niên, giao bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Tuyết S cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông không cấp dưỡng nuôi con cũng không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông tự thỏa thuận tài sản chung, vợ chồng ông không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

- *Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử, về quan hệ hôn nhân xử cho bà B với ông P ly hôn; về con chung giao cho bà B nuôi hai con chung đến ngày thành niên; về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "*Tranh chấp ly hôn*" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn ông Nguyễn Đình P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Đình P kết hôn năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, có thời gian tìm hiểu 01 năm. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên đánh đập lẫn nhau, ông P nghiện ma túy và không chịu làm việc nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông P. Tại phiên hòa giải, ông P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà B tuy nhiên tại phiên tòa ông P không có mặt, không có ý kiến gì khác về quan hệ hôn nhân với bà B. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông P đã trầm trọng, kéo dài, bà B với ông P đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, các bên đều không không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn, hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà B về việc xin ly hôn với ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Bà B và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Đình Bảo K sinh ngày 17/6/2012 và Nguyễn Thị Tuyết S sinh ngày 22/3/2015. Các con đang sống chung với bà B. Khi ly hôn bà B yêu cầu được nuôi 02 con chung cho đến ngày các con chung thành niên. Ông P yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Đình Bảo K cho đến ngày con chung thành niên, giao bà B nuôi con chung tên Nguyễn Thị Tuyết S. Xét thấy, các con chung đang chung sống với bà B, cháu Kỳ cũng có nguyện vọng ở với mẹ, còn cháu Sương còn nhỏ mới hơn 3 tuổi cần có sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống, học tập ổn định cũng như điều kiện để cháu phát triển về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu Kỳ nên giao cháu Kỳ và cháu Sương cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng:* Bà B không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà B và ông P tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà B và ông P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị B. Xử cho bà Nguyễn Thị B với ông Nguyễn Đình P ly hôn.

- *Về con chung:* Giao các con chung tên Nguyễn Đình Bảo K sinh ngày 17/6/2012 và Nguyễn Thị Tuyết S sinh ngày 22/3/2015 cho bà Nguyễn Thị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí về việc khởi kiện ly hôn. Bà Nguyễn Thị B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0019957 ngày 11/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

Bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Đình P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.